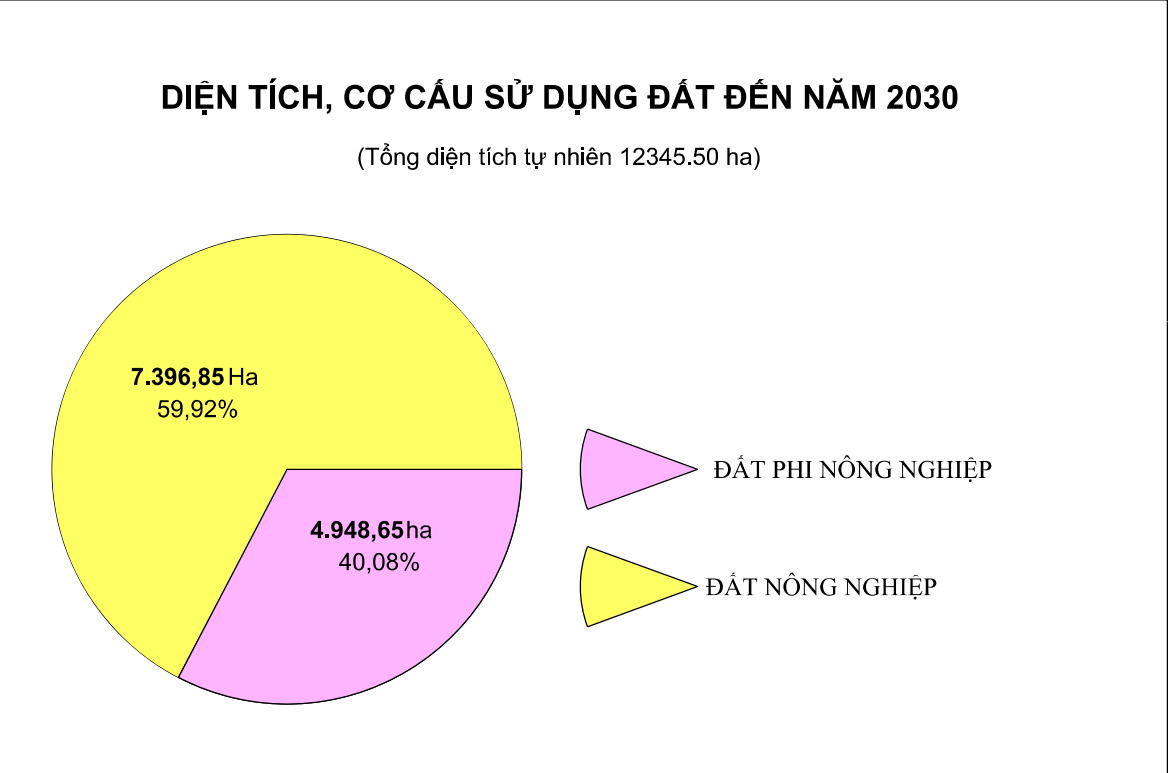
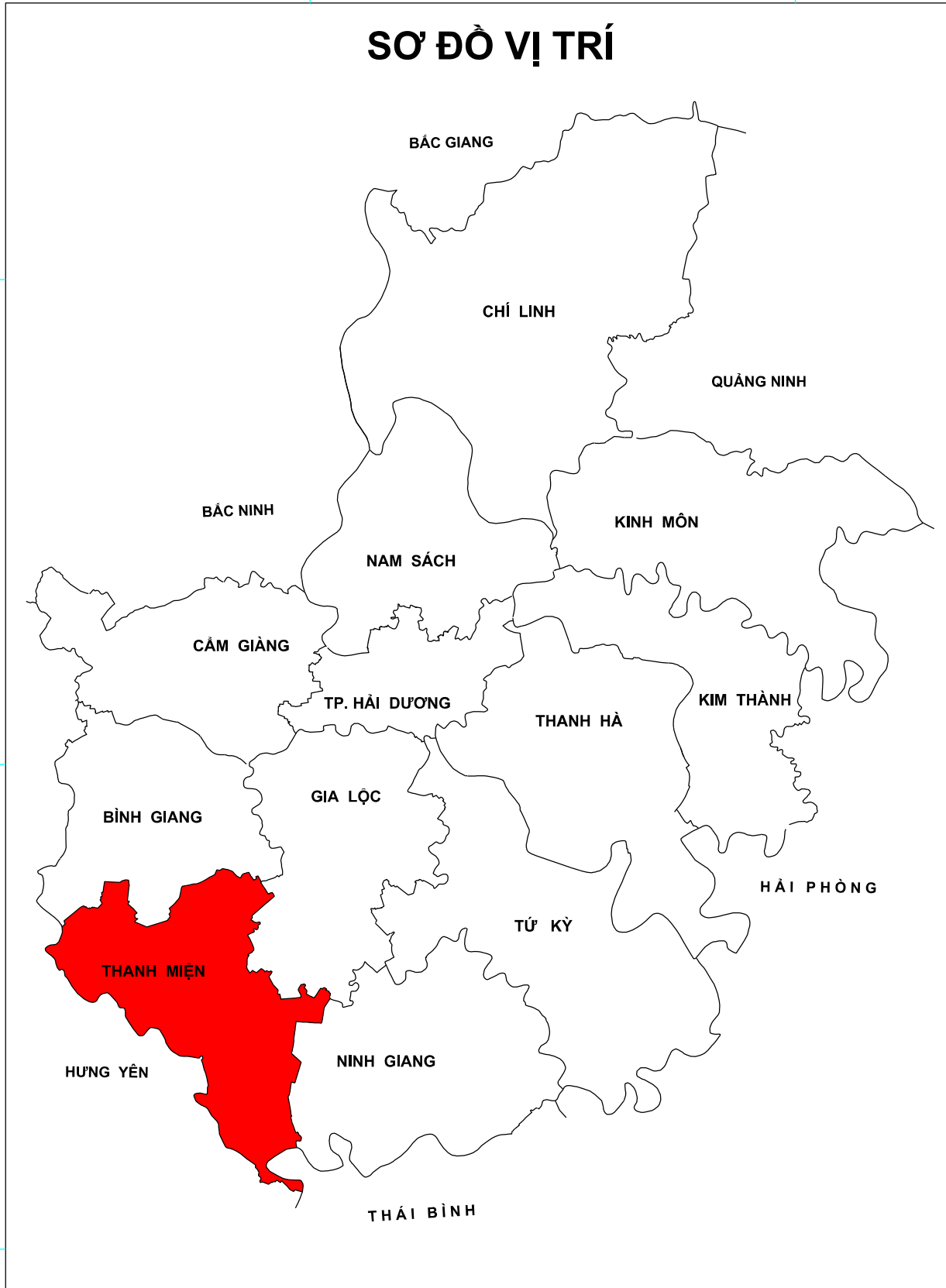
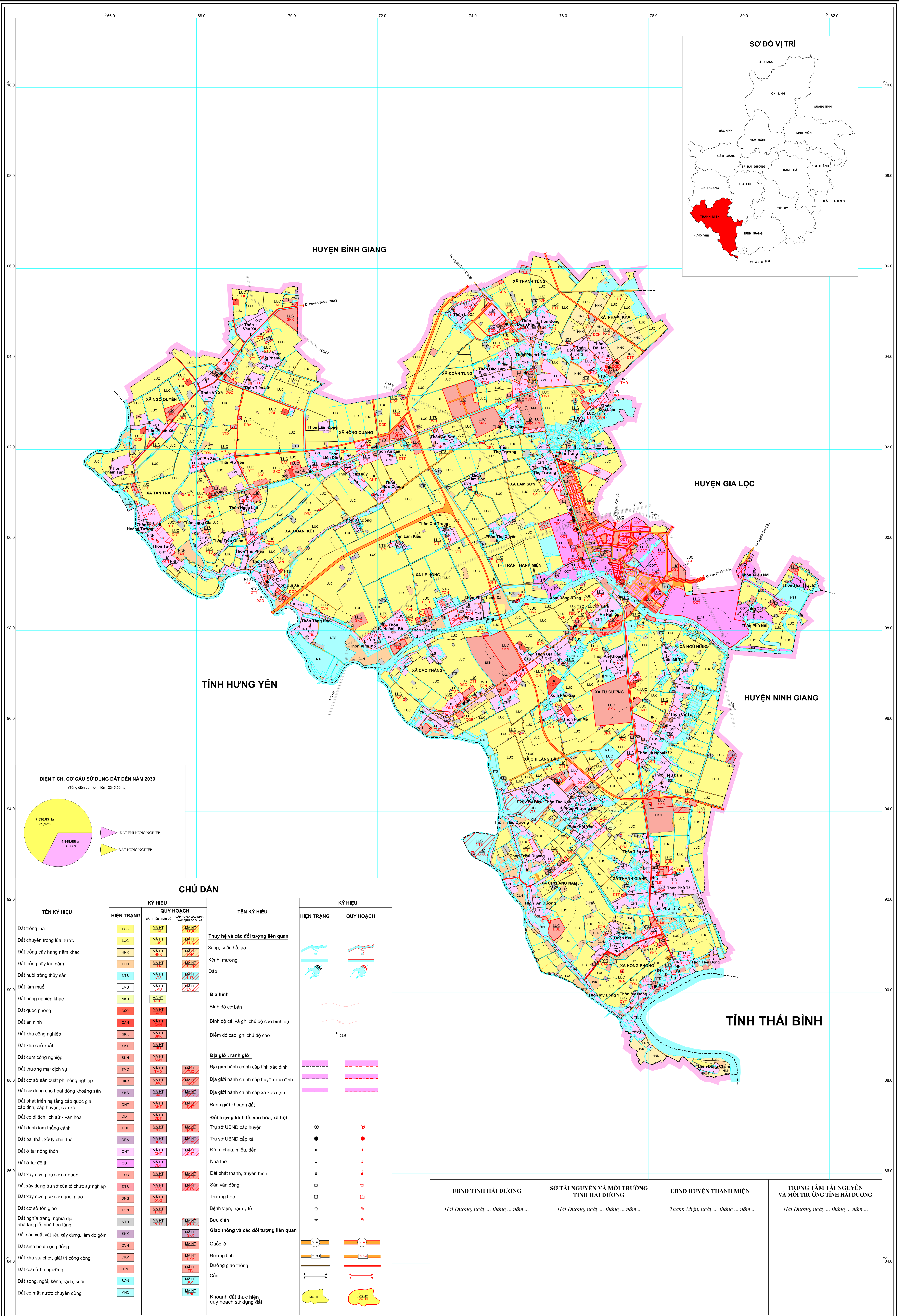
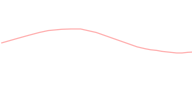
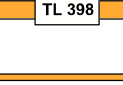
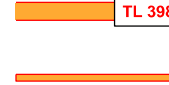
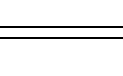
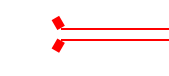


BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG



CHÚ DẪN						
TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU			TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU	
	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH			HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
		CẤP TRÊN PHẠM ĐỘ				
Đất trồng lúa	LUA	MÀ HT LUA	MÀ HT LUC	Thủy hệ và các đối tượng liên quan		
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	MÀ HT LUC	MÀ HT LUC	Sông, suối, hồ, ao		
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	MÀ HT HNK	MÀ HT HNK	Kênh, mương		
Đất trồng cây lâu năm	CLN	MÀ HT CLN	MÀ HT CLN	Đập		
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	MÀ HT NTS	MÀ HT NTS	Địa hình		
Đất làm muối	LMU	MÀ HT LMU	MÀ HT LMU	Bình độ cơ bản		
Đất nông nghiệp khác	NKH	MÀ HT NKH	MÀ HT NKH	Bình độ cái và ghi chú độ cao bình độ		
Đất quốc phòng	QDP	MÀ HT QDP	MÀ HT QDP	Điểm độ cao, ghi chú độ cao		• 123,5
Đất an ninh	CAN	MÀ HT CAN	MÀ HT CAN	Địa giới, ranh giới		
Đất khu công nghiệp	SKK	MÀ HT SKK	MÀ HT SKK	Địa giới hành chính cấp tỉnh xác định		
Đất khu chế xuất	SKT	MÀ HT SKT	MÀ HT SKT	Địa giới hành chính cấp huyện xác định		
Đất cụm công nghiệp	SKN	MÀ HT SKN	MÀ HT SKN	Địa giới hành chính cấp xã xác định		
Đất thương mại dịch vụ	TMD	MÀ HT TMD	MÀ HT TMD	Ranh giới khoanh đất		
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	MÀ HT SKC	MÀ HT SKC	Đối tượng kinh tế, văn hóa, xã hội		
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	MÀ HT SKS	MÀ HT SKS	Trụ sở UBND cấp huyện		
Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	MÀ HT DHT	MÀ HT DHT	Trụ sở UBND cấp xã		
Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	MÀ HT DDT	MÀ HT DDT	Đình, chùa, miếu, đền		
Đất danh lam thắng cảnh	DOL	MÀ HT DOL	MÀ HT DOL	Nhà thờ		
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	MÀ HT DRA	MÀ HT DRA	Đài phát thanh, truyền hình		
Đất ở tại nông thôn	ONT	MÀ HT ONT	MÀ HT ONT	Sân vận động		
Đất ở tại đô thị	ODT	MÀ HT ODT	MÀ HT ODT	Trường học		
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	MÀ HT TSC	MÀ HT TSC	Bệnh viện, trạm y tế		
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	MÀ HT DTS	MÀ HT DTS	Bưu điện		
Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	MÀ HT DNG	MÀ HT DNG	Giao thông và các đối tượng liên quan		
Đất cơ sở tôn giáo	TON	MÀ HT TON	MÀ HT TON	Quốc lộ		
Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	MÀ HT NTD	MÀ HT NTD	Đường tỉnh		
Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	MÀ HT SKX	MÀ HT SKX	Đường giao thông		
Đất sinh hoạt cộng đồng	DVH	MÀ HT DVH	MÀ HT DVH	Cầu		
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	MÀ HT DKV	MÀ HT DKV	Khoanh đất thực hiện quy hoạch sử dụng đất		
Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	MÀ HT TIN	MÀ HT TIN			
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	MÀ HT SON	MÀ HT SON			
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	MÀ HT MNC	MÀ HT MNC			

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG	UBND HUYỆN THANH MIỆN	TRUNG TÂM TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
Hải Dương, ngày ... tháng ... năm ...	Hải Dương, ngày ... tháng ... năm ...	Thanh Miện, ngày ... tháng ... năm ...	Hải Dương, ngày ... tháng ... năm ...

NGUỒN TÀI LIỆU
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thanh Miện.
- Danh mục công trình, dự án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thanh Miện.

TỶ LỆ 1:25 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG
Trung tâm Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương